

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1010/2024/HC-PT

Ngày: 13-9-2024

V/v Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các thẩm phán: Ông Lê Văn An

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 396/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2023/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2444/2024/QĐXXPT-HC ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1960.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958

Cùng cư trú tại địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người đại diện được ông B, bà T ủy quyền: ông Lê Huy H, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú: tổ G, ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai làm đại diện (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N.

Địa chỉ: Khu H, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Giang H1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện N: Ông Mai Ngọc T1 – Phó giám đốc TTPT quỹ đất huyện N và ông Phan Tấn Đ - Phó trưởng phòng TN&MT huyện N (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: ông Lê Huy H (là người được ông B, bà T ủy quyền) kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình tiến hành tố tụng, người khởi kiện trình bày:

Ngày 30/01/2001, ông Nguyễn Văn B được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T319052 cấp ngày 30/01/2001, với diện tích 8.216m² (gồm các thửa đất số 241 diện tích 348 m²; thửa số 242 diện tích 172m²; thửa 277 diện tích 5.577m²; thửa 611 diện tích 1.862m²; và thửa 612 diện tích 167m²), tờ bản đồ số 07 (cũ), xã L.

Năm 2001 nhà nước có mở rộng đường trước nhà gia đình ông B bà T. Nhà nước đã lấy 1300m² thuộc một phần thửa cũ số 277 tờ bản đồ số 07 xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai để mở rộng đường đi trước nhà gia đình nguyên đơn nhưng chưa bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông B bà T.

Lý do, trước kia phần đất này làm đường phục vụ cho lợi ích của nhiều hộ dân trong đó có gia đình ông B bà T nên nguyên đơn không có ý kiến. Nay nhà nước giao phần đất này cho Công ty F để thực hiện dự án, kinh doanh bất động sản, gia đình ông B bà T không còn được hưởng lợi gì; Hơn nữa, Công ty cổ phần F sẽ bỏ con đường này, mà thành lập con đường mới theo bản vẽ thiết kế dự án của Công ty, phần đất này sẽ nằm trong diện tích phân lô bán nền của Công ty.

Việc Ủy ban nhân dân huyện N không thực hiện hành vi hành chính lập hồ sơ bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông B bà T đối với diện tích khoảng 1300m² thuộc một phần thửa cũ số 277 tờ bản đồ số 07 xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai là đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B bà T.

Nay ông B bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai không thực hiện hành vi hành chính lập hồ sơ bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông B và bà T đối với diện tích khoảng 1300m² thuộc một phần thửa cũ số 277 tờ bản đồ số 07 xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai là hành vi hành chính trái quy định của pháp luật .

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện N có văn bản trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện nhận được đơn đề ngày 05/01/2019 mang tên ông Nguyễn Văn B trình bày ông có phần diện tích 1300m² thuộc thửa 277, tờ bản đồ số 7 (cũ), xã L trước đây nhà nước lấy làm đường nhưng chưa được bồi thường, nay phần đất này nhà nước giao Công ty F thực hiện Dự án Khu dân cư 125ha tại xã L, qua đó ông kiến nghị xem xét, kiểm tra giải quyết bồi thường cho ông phần đất trên.

Ủy ban nhân dân huyện đã giao Phòng T2 kiểm tra, rà soát và tham mưu xử lý theo quy định. Theo đó:

- Ngày 30/01/2001, ông Nguyễn Văn B được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 319052 với diện tích 8.216m² bao gồm các thửa đất số 241 (348m²), 242 (172m²), 277 (5.577m²), 611 (1.862m²) và 612 (167m²), tờ bản đồ số 07 (cũ), xã L. Vào khoảng năm 2000 đến năm 2004, Nhà nước đào mương thủy lợi để dẫn nước vào sản xuất lúa ba vụ, vừa đào mương vừa lấy vật liệu để đắp đường đi chung. Việc đào mương và đắp đường đi này do Ủy ban nhân dân xã L vận động người dân tự nguyện hiến đất, trong đó có ông Nguyễn Văn B. Đến năm 2006, bản đồ địa chính xã L thành lập năm 1995 đã được đo vẽ lại hiện trạng (chỉnh lý biến động). Theo đó, trên nền bản đồ được chỉnh lý biến động này thể hiện phần diện tích đất ông Nguyễn Văn B hiến làm đường là đường giao thông công cộng (đường Đ - nay là đường L) do Nhà nước quản lý. Ngày 03/12/2010, ông Nguyễn Văn B đã được Ủy ban nhân dân huyện C đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 842898 đối với thửa đất số 343 tờ bản đồ số 8 (mới), diện tích 1.115m² tương ứng một phần thửa đất số 277, tờ bản đồ số 7 (cũ), xã L. Mặt khác, thửa đất số 277, diện tích 5.577m² của ông Nguyễn Văn B được chỉnh lý còn 2.791m², bao gồm các thửa đất số 277(1.851m²), 616 (940 m²), 343 (1.115m²) cấp đổi tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 842898. Như vậy, diện tích giảm 1.671m² là do chỉnh lý quy hoạch làm đường giao thông.

- Thực hiện dự án Khu dân cư 125ha tại xã L, phần đất của ông nằm trong dự án là 5.940 m² gồm các thửa đất số 343 (1.115 m²), 271 (1.961m²), 674 (638m²), 272 (1.795 m²), 273 (204 m²), 274 (177 m²), 275 (50 m²), tờ bản đồ số 8 (mới), xã L tương ứng với các thửa đất số 616 (940 m²), 611 (1.862 m²), một phần thửa 277 (638 m²), 273 (203 m²), 274 (177 m²), 275 (50 m²).

Từ những cơ sở nêu trên, ngày 25/6/2019 Ủy ban nhân dân huyện B Văn bản số 4666/UBND-TD về việc xử lý đơn của ông Nguyễn Văn B với nội dung việc ông B yêu cầu bồi thường diện tích khoảng 1.300m² là không có cơ sở. Sau đó, ông Nguyễn Văn B có đơn khiếu nại đề ngày 02/7/2019 do không đồng ý Văn bản số 4666/UBND-TD ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N. Ngày 26/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định 6428/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của ông. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã L, huyện N: không có văn bản có ý kiến về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 83/3023/HC-ST ngày 28-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố việc Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai không thực hiện hành vi hành chính lập hồ sơ bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông B

và bà T đối với diện tích khoảng 1300m² thuộc một phần thửa cũ số 277 tờ bản đồ số 07 xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai là trái quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, ông Lê Huy H (là người được ông B, bà T ủy quyền) kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: diện tích 1300 m² thuộc một phần thửa đất 277, tờ 7 đã được ông B tự nguyện hiến cho nhà nước đưa vào làm con đường “Độn” từ năm 2000. Từ đó đến nay ông B không sử dụng phần đất này, đồng thời ông B cũng đã thực hiện việc cấp đổi GCNQSDĐ theo bản đồ hiện trạng trừ diện tích đất 1.300m² này ra khỏi Giấy CNQSDĐ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1]. Ngày 28/9/2023, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, nhưng người khởi kiện và người đại diện được ủy quyền đều vắng mặt, đến ngày 26/10/2023 Tòa án cấp sơ thẩm mới tổng đạt bản án cho người khởi kiện. Do đó, ngày 26/10/2023 người khởi kiện kháng cáo là trong hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Văn bản số: 4666/UBND-TD ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện N không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B về bồi thường diện tích đất 1.300m² và Quyết định 6428/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B. Đây là 02 quyết định hành chính có liên quan đến hành vi không thực hiện hành vi hành chính bị kiện, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của các quyết định này là có thiếu sót. Tuy nhiên, thiếu sót này Tòa án cấp phúc thẩm có thể khắc phục được, nên chỉ nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

* Về nội dung:

[3]. *Xét hành vi không thực hiện hành vi hành chính bị kiện:*

Ngày 30/01/2001, ông Nguyễn Văn B được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 319052 với diện tích 8.216m² (gồm các thửa đất số 241 diện tích 348 m²; thửa số 242 diện tích 172m²; thửa 277 diện tích 5.577m²; thửa 611 diện tích 1.862m²; và thửa 612 diện tích 167m²), tờ bản đồ số 07 (cũ), xã L.

Năm 2000 đến năm 2004, Nhà nước đào mương thủy lợi để dẫn nước vào sản xuất lúa ba vụ, vừa đào mương vừa lấy vật liệu để đắp đường đi chung. Ủy ban

nhân dân xã L đã vận động người dân tự nguyện hiến đất, trong đó có gia đình ông Nguyễn Văn B đã tự nguyện hiến diện tích đất 1.300m² thuộc một phần của thửa 277, tờ bản đồ số 7. Tuy việc hiến đất không được lập thành văn bản, nhưng trên thực tế gia đình ông B, bà T đã tự nguyện giao đất cho Nhà nước sử dụng làm đường đi (đường Đ - nay là đường L).

Ngày 23/7/2009, ông Nguyễn Văn B đã đăng ký xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lập lại hồ sơ địa chính. Ngày 30/01/2001 Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T319052 cho gia đình ông B, đã trừ đi diện tích gia đình ông B đã hiến đất làm đường nêu trên ra khỏi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng gia đình ông B, bà T không có ý khiếu nại gì.

Lời trình bày của ông B, bà T tại bút lục 19, 26 cũng thừa nhận: “...năm 2001 nhà nước mở rộng đường trước nhà tôi ở. Nhà nước đã lấy 1.300m² thuộc một phần thửa cũ 277, tờ bản đồ số 7, xã L huyện N để mở rộng đường đi trước của nhà tôi....do trước kia phần đất này làm đường phục vụ cho lợi ích nhiều hộ dân, trong đó có gia đình tôi, nên lấy ra làm đường tôi không có ý kiến....”.

Như vậy, diện tích đất nêu trên gia đình ông B, bà T đã hiến cho nhà nước, không còn quyền sử dụng hợp pháp của ông B, bà T nữa. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện N không lập hồ sơ để bồi thường cho ông B, bà T đối với diện tích đất 1.300m² đã hiến làm đường nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[4]. Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan:

Do xác định diện tích đất 1.300m² nêu trên gia đình ông B đã hiến làm đường nên ngày 25/6/2019 Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Văn bản số: 4666/UBND-TD về việc xử lý đơn của ông Nguyễn Văn B với nội dung không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông B. Ngày 26/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định 6428/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường của ông B, là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung.

[5]. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà T là có căn cứ. Ông Lê Huy H kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới nên không được chấp nhận.

[6]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Lê Huy H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do ông B, bà T là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu.

[8]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng Hành chính 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Huy H (là người được ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T ủy quyền).

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 83/3023/HC-ST ngày 28-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng Điều 62; Điều 66; Điều 75 Luật đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác khởi kiện của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T về việc “yêu cầu Tòa án tuyên bố việc Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai không thực hiện hành vi hành chính lập hồ sơ bồi thường diện tích đất 1300m² thuộc một phần thửa số 277 (cũ) tờ bản đồ số 07 xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T là trái quy định của pháp luật”.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T được miễn án phí.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu VP. HS. ĐTTB (16b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương